

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021 tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

Với việc dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ đầu năm 2020 đến nay đã tác động đến các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cũng như ảnh hưởng đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường (TNMT) trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng khắc phục khó khăn và đề ra các giải pháp thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, công tác tuyên truyền về biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, với nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế đã gây không ít khó khăn trong công tác phân bổ nguồn kinh phí cho công tác điều tra cơ bản TNMT biển, hải đảo nói riêng và quản lý biển, hải đảo nói chung, từ đó, thông tin, cơ sở dữ liệu TNMT biển, hải đảo để phục vụ cho công tác quản lý biển, hải đảo tại địa phương còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng, ban hành, thực thi, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành một số VBQPPL liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo như sau:

- Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong phạm vi vùng biển 06 hải lý trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 ban hành Quy định phân vùng phát thải khí thải và xả thải nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 ban hành Quy định về việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mực nước hạ thấp cho phép trong khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 162/2021/QĐ-UBND-m ngày 23/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND-m ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Căn cứ các văn bản do UBND tỉnh ban hành, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển trên địa bàn tỉnh đã tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

UBND tỉnh đã thực hiện tổng kết kết quả triển khai Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ TNMT tại Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 11/12/2020. Trong năm 2021, UBND tỉnh đã tham gia góp ý 02 lần đối với dự thảo Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển và quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

Hiện nay, Bộ TNMT đang xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Trong năm 2021, UBND tỉnh đã tham gia góp ý Bộ Tiêu chí phân vùng và Tiêu chí, chỉ tiêu quy hoạch trong Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030 báo cáo Bộ TNMT tại văn bản số 4209/UBND-KT ngày 15/7/2021.

4. Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (theo Phụ lục I)

Theo tình hình thực tế, nguồn ngân sách tại địa phương còn hạn chế nên hoạt động điều tra cơ bản biển và hải đảo tỉnh Bình Định trong năm 2021 chủ yếu được thực hiện thông qua nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2021”, “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022), “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (2021 - 2022) và hoạt động thăm dò nước dưới đất tại thôn 8 Đông, xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ của Công ty CP Phát triển tầm nhìn Năng lượng sạch theo Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh Bình Định triển khai hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san

hồ tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn” (2019 - 2021) (Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ).

5. Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên lĩnh vực mình quản lý và giao Sở TNMT nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo tại địa phương. Thông tin chi tiết về một số loại tài nguyên khai thác, sử dụng theo Phụ lục II.

a) Về hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản

Toàn tỉnh Bình Định hiện có 5.962 tàu đăng ký, hoạt động khai thác thủy sản (KTTS). Bên cạnh đó, diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) khoảng 3.990,5 ha, trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ là 2.490,5 ha.

Trong năm 2021, sản lượng KTTS là 258.140 tấn và sản lượng NTTS là 11.300 tấn.

b) Về hoạt động khai thác yến sào

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và khai thác yến sào đối với 17 hang yến thuộc bán đảo Phương Mai, thành phố Quy Nhơn.

c) Về hoạt động khai thác khoáng sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp được Bộ TNMT cấp phép khai thác titan còn hiệu lực. Tình hình hoạt động cụ thể như sau:

- Công ty CP Khoáng sản Bình Định: diện tích là 150 ha tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát; thời hạn đến ngày 07/02/2022 (hiện đang hoạt động);

- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy: diện tích là 173,26 ha tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; thời hạn đến ngày 11/3/2023 (đang tạm dừng khai thác);

- Hai (02) doanh nghiệp là Công ty CP Khoáng sản Biotan (diện tích là 179,92 ha tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; thời hạn đến ngày 11/3/2023) và Công ty TNHH Phú Hiệp (diện tích là 242,8 ha tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; thời hạn đến ngày 02/6/2023): cả 02 khu vực mỏ đã nộp hồ sơ đề nghị Bộ TNMT phê duyệt đề án đóng cửa mỏ để giao đất lại cho địa phương quản lý;

- Công ty CP Khoáng sản và Thương mại Bình Định: 180,69 ha tại xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, thời hạn đến ngày 19/4/2025 (chưa hoạt động).

Ngoài ra, thực hiện chức năng quản lý TNMT tại KKT Nhơn Hội, trong năm 2021, Ban Quản lý Khu kinh tế (BQLKKT) tỉnh đã thống nhất cho 07 đơn vị thực hiện khai thác, vận chuyển cát để phục vụ san lấp mặt bằng dự án. Đến nay, có 06 đơn vị đã hoàn thành việc khai thác, hoàn thổ mặt bằng khu vực khai thác và đang hoàn tất các thủ tục để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; 01 đơn vị đang tiếp tục khai thác.

d) Về hoạt động khai thác tài nguyên nước

Trong năm 2021, tại khu vực ven biển huyện Phù Mỹ, Sở TNMT đã tham mưu UBND tỉnh cấp phép cho Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ được khai thác nước dưới đất theo Giấy phép số 02/GP-UBND ngày 13/01/2021 và khai thác, sử dụng nước mặt (biển) theo Giấy phép số 95/GP-UBND ngày 23/8/2021 tại xã Mỹ Thành, đồng thời cấp phép cho Công ty CP Phát triển tầm nhìn Năng lượng sạch được khai thác nước dưới đất tại thôn 8 Đông, xã Mỹ Thắng theo Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 14/4/2021.

đ) Về hoạt động kinh doanh xăng dầu

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 232 cơ sở kinh doanh xăng dầu, trong đó có 22 thuyền, tàu được cấp phép hoạt động kinh doanh xăng dầu trên biển. Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 13 cơ sở kinh doanh xăng dầu được cấp phép, trong đó có 01 thuyền, tàu được cấp phép hoạt động kinh doanh xăng dầu trên biển. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 01 dự án tàu sắt kinh doanh xăng dầu tại vùng nước Cảng Quy Nhơn, đến thời điểm hiện nay, dự án chưa đi vào hoạt động.

e) Về hoạt động khai thác năng lượng điện mặt trời, điện gió

Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 dự án điện mặt trời và điện gió đi vào hoạt động. Trong đó có 05 dự án điện mặt trời (04 dự án hoạt động trên địa bàn ven biển tại xã Mỹ Thắng, Mỹ An và Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ) với tổng công suất thiết kế 415,5 MWp, 04 dự án điện gió (hoạt động trên địa bàn KKT Nhơn Hội) với công suất thiết kế 107,4 MW. Riêng năm 2021 có 03 dự án điện gió đi vào hoạt động với công suất thiết kế 81,4 MW.

g) Về hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa

Về tuyến đường thủy nội địa ven biển, hải đảo gồm có:

- Bốn (04) tuyến dân sinh hoạt động thường xuyên trong năm, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, học sinh, trao đổi mua bán hàng hóa: tuyến Hải Cảng - Nhơn Châu dài 30 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Quy Nhơn); tuyến Hàm Tử - Hải Minh dài 0,8 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Quy Nhơn); tuyến Vinh Quang 2 - Cồn Chim dài 0,8 km (luồng tuyến chạy trên đầm Thị Nại); tuyến An Quang - Vĩnh Lợi dài 1,0 km (luồng tuyến chạy qua cửa biển Đê Gi);

- Ba (03) tuyến phục vụ khách tham quan, du lịch biển, đảo: tuyến Nhơn Lý - Hòn Sẹo, Kỳ Co dài 5,0 km; tuyến Nhơn Hải - Hòn Khô dài 0,5 km, Kỳ Co dài 10 km; tuyến Đống Đa - Cồn Chim dài 10 km, Nhơn Hải dài 15 km, Nhơn Châu dài 33 km, Nhơn Lý dài 25 km.

Công tác phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bình Định đến năm 2020 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 09/6/2017) và văn bản số 3421/UBND-KT ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu dân sinh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các tuyến đường thủy nội địa ven biển, hải đảo đang được khai thác hoạt động, tuy nhiên, về cơ sở hạ tầng bến bãi chưa được

xây dựng theo quy chuẩn và được cấp phép nên chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố tuyến (chỉ có tuyến Hải Cảng - Nhơn Châu đã được UBND tỉnh công bố theo Quyết định số 3805/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 về việc điều chỉnh tên và đóng một số tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bình Định). Đối với các bến thủy nội địa phục vụ du lịch, hiện nay có một số nhà đầu tư đang triển khai một số dự án sẽ được đưa vào hoạt động trong thời gian tới như: bến du thuyền Grand Palace tại đường Võ Nguyên Giáp và bến du thuyền tại đường Đống Đa của Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát; bến du thuyền tại Mũi Tấn của Tập đoàn Hưng Thịnh...

Về phương tiện hoạt động thủy nội địa, tổng số phương tiện đang hoạt động là 315 chiếc (đã đăng ký) với tổng công suất 35.424 CV, trong đó có 265 phương tiện tàu khách (trong đó có 150 tàu cao tốc) với tổng sức chở tàu khách là 3.195 người và 50 phương tiện chở hàng với tổng trọng tải tàu hàng là 5.064 tấn. Nhìn chung, hầu hết phương tiện thủy nội địa đưa vào phục vụ chở người, hành khách và hàng hóa đã được đăng ký, đăng kiểm theo quy định, đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển ngay trong mùa cao điểm vận chuyển khách du lịch. Bên cạnh đó, tính đến thời điểm hiện tại, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp tổ chức cấp 310 Chứng chỉ chuyên môn lái phương tiện hạng 1 và 281 Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng 3 đáp ứng được nhu cầu cho người điều khiển phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

h) Về hoạt động hàng hải

Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn là cơ quan trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý được giao (trong đó, có khu vực cảng biển Quy Nhơn). Trong năm 2021, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn đã thực hiện thống kê tổng sản lượng hàng hóa của các cảng tại khu vực quản lý bao gồm cảng biển Quy Nhơn và Vũng Rô.

k) Về hoạt động du lịch biển, đảo

Tỉnh Bình Định đã hình thành nhiều sản phẩm du lịch gắn với biển, đảo: nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái biển, thể thao trên biển (khu vực Quy Nhơn, Nhơn Lý, Nhơn Hải, Cát Tiến), lặn biển ngắm san hô (khu vực Kỳ Co, Nhơn Châu, Nhơn Hải), vui chơi giải trí ở các bãi biển gắn với mua sắm hải sản, trải nghiệm ẩm thực (khu vực bãi biển Quy Nhơn, Trung Lương, Cát Tiến).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số dự án khách sạn, khu nghỉ dưỡng du lịch quy mô đầu tư lớn đã được hoàn thành (dự án FLC Grand Hotel Quy Nhơn; Maia Quy Nhơn Beach Resort; khách sạn Fleur De Lys Quy Nhơn) và đã được khởi công xây dựng (dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Greenhill Village Quy Nhơn).

Để phát triển đa dạng sản phẩm du lịch biển, đảo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vùng biển, đảo, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng, xã Nhơn Lý và khu vực Bãi Xếp, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đến năm 2025” (tại Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 04/11/2019) và đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Bảo tồn và phát triển du lịch

bền vững khu vực làng chài xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn (tại Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 29/10/2020).

6. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

Về công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo, trong năm 2021, Sở TNMT tiếp tục thực hiện công tác quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng vào năm 2016). Đến nay, hệ cơ sở dữ liệu nguồn thải tỉnh Bình Định đang vận hành và lưu trữ dữ liệu về nguồn thải đối với khoảng 350 cơ sở trên địa bàn tỉnh (trong đó có khoảng 20 cơ sở hoạt động ven biển, chủ yếu tập trung lĩnh vực khách sạn, khu du lịch, nuôi trồng thủy sản). Bên cạnh đó, Sở TNMT đang triển khai nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022). Trong năm 2021 đã tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, tài liệu, số liệu về hiện trạng xả thải tại các địa phương ven biển, đồng thời lập danh mục các đối tượng và tiến hành điều tra chi tiết. Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại KKT Nhơn Hội, BQLKKT tỉnh đã thống kê quy mô, tính chất của chất thải (nước thải, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt) trên địa bàn KKT như sau: tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 10,24 m³/ngày; tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 641,4 tấn/năm; tổng lượng chất thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 588 tấn/tháng; tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 1.418 m³/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong Khu công nghiệp (KCN) A, B và khu vực phía Tây Nam KKT được thu gom, xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội trung bình khoảng 350 m³/ngày, cao nhất khoảng 753 m³/ngày (trong năm 2021), còn lại là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở nằm ngoài KCN. Thực hiện công tác quản lý hoạt động thu gom và xử lý chất thải tàu biển tại cảng biển Quy Nhơn, luồng Hàng hải Quy Nhơn, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thống kê có 1.300 lượt tàu thanh thải chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định và 31 tàu được giám sát thanh thải dầu bẩn (khoảng 410 m³ chất lỏng lẫn dầu).

Về tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tại địa phương, căn cứ kết quả nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2021” cho thấy: Về chất lượng môi trường nước biển ven bờ, việc quan trắc chất lượng môi trường nước biển ven bờ được tập trung tại các vùng biển có hoạt động vận tải biển, các khu NTTS và gần các khu du lịch biển để xem xét ảnh hưởng của các hoạt động đến môi trường nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của nước biển ven bờ tại các vùng biển trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển QCVN 10-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên, tại một số vùng biển có sự xuất hiện của hàm lượng các chất Amoni, Florua và Sắt. Qua đó cho thấy các hoạt động vận tải biển, các khu NTTS và các khu du lịch biển

ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng nước biển ven bờ. Về chất lượng môi trường trầm tích biển, việc quan trắc chất lượng môi trường trầm tích biển được quan trắc song song và cùng vị trí với quan trắc nước biển ven bờ. Qua kết quả quan trắc cho thấy hầu như tất cả các thông số của trầm tích biển tại các vùng trên địa bàn tỉnh có giá trị nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích QCVN 43:2017/BTNMT. Các thông số được phân tích đều ở mức thấp và có sự đồng đều giữa các vùng biển. Qua đó cho thấy chất lượng môi trường trầm tích biển đang ở mức tốt và ổn định, chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động của con người.

Bên cạnh đó, căn cứ kết quả công tác quan trắc môi trường nước vùng NTTS hàng năm cho thấy: Về chất lượng môi trường nước lợ, các thông số như nhiệt độ, pH, độ kiềm, COD, NO_3 , NO_2 , Vibrio tổng số nhìn chung có giá trị trung bình phù hợp trong ngưỡng thích hợp, tương đương so với cùng kỳ năm 2020 mặc dù có những biến động nhất định theo tháng trong năm. Thông số độ mặn, Amonia (NH_3), Phốt phát (PO_4) có giá trị trung bình toàn tỉnh vượt ngưỡng cho phép. Qua đó cho thấy dấu hiệu phì dưỡng của môi trường vùng nuôi. Về chất lượng môi trường nước mặn, các thông số môi trường vùng quan trắc ổn định trong các tháng, giá trị trung bình của các thông số nhìn chung nằm trong ngưỡng cho phép.

Ngoài ra, căn cứ kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn KKT Nhơn Hội cho thấy: Về chất lượng trầm tích tại Vịnh Mai Hương và Khu Cảng tổng hợp Nhơn Hội, tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm trong mẫu trầm tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 43:2017/BTNMT, riêng chỉ tiêu Cd đều không phát hiện qua các năm, chỉ tiêu Zn, Pb hầu như nồng độ giảm qua các năm, chỉ tiêu Cu dao động không đáng kể. So sánh giữa 02 kỳ quan trắc trong năm cho thấy vào mùa khô nồng độ các chỉ tiêu đều cao hơn so với mùa mưa. Về chất lượng nước mặt Đàm Thị Nại, hầu hết các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong quy chuẩn cho phép (trong đó, các chỉ tiêu Zn, Pb, Cd hầu như không phát hiện trong nước mặt tại khu vực), riêng chỉ tiêu Fe vượt quy chuẩn cho phép (từ 1,04 đến 5,1 lần) ở hầu hết các vị trí quan trắc. Nhìn chung diễn biến môi trường nước mặt Đàm Thị Nại cho thấy đa số các chỉ tiêu chất lượng môi trường có xu hướng chuyển biến tích cực qua các kỳ quan trắc từ năm 2020 đến nay (ngoại trừ DO). Về chất lượng nước biển ven bờ gần các dự án du lịch ven biển từ Hải Giang đến Cát Hải, các chỉ tiêu ô nhiễm đều thấp hơn giới hạn cho phép nhiều lần (đặc biệt, các chỉ tiêu CN^- , Zn, Pb, Mn, Cd, NH_4^+ qua các đợt quan trắc từ năm 2020 đến nay đều không phát hiện), riêng chỉ tiêu DO ở các vị trí quan trắc mặc dù vẫn nằm trong giới hạn cho phép nhưng có xu hướng diễn biến tiêu cực.

b) Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái

Công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo được các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Sở TNMT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày

12/6/2018 về việc ban hành quy trình và cơ chế phối hợp triển khai đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong năm 2021, Sở TNMT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan làm việc và yêu cầu Công ty TNHH Ngọc Châu khắc phục hiện tượng nước biển đổi màu đen do hoạt động xả thải từ khu nuôi tôm trên cát (thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát) của Công ty. Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại KKT Nhơn Hội, BQLKKT tỉnh đã yêu cầu các chủ đầu tư dự án thứ cấp trong KKT thực hiện việc quan trắc môi trường và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các dự án đầu tư ven biển xây dựng hệ thống thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải đúng theo nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường được duyệt trước khi đi vào hoạt động; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan xem xét đánh giá, thẩm định sơ bộ về mặt tác động môi trường ngay trong quá trình lập thủ tục đầu tư, phê duyệt quy hoạch đối với các dự án thu hút đầu tư (yêu cầu phải sử dụng công nghệ sản xuất mới, thân thiện với môi trường), thẩm định, trình phê duyệt các Đề án quy hoạch xây dựng và thẩm định, phê duyệt các Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trong KKT, KCN; khuyến khích, thậm chí bắt buộc các chủ đầu tư, nhất là chủ đầu tư các dự án du lịch phải có phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành để tưới cây xanh nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường biển ven bờ.

Về công tác cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện các hoạt động như sau:

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với chính quyền địa phương 31 xã, phường ven đầm, ven biển triển khai “Phong trào toàn dân bảo vệ nguồn lợi thủy sản” hàng năm; phối hợp với Hiệp hội Thủy sản, UBND thành phố Quy Nhơn, chính quyền địa phương tại 04 xã, phường ven vịnh Quy Nhơn xây dựng phương án bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản (NLTS), quy chế hoạt động của các tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý. Trong năm 2021, UBND thành phố Quy Nhơn đã công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ NLTS tại khu vực biển Hòn Nhân, phường Ghềnh Ráng và khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn. Bên cạnh đó, công tác bảo vệ các loài thủy sản quý hiếm được triển khai hiệu quả: ngư dân xã Cát Tiến, Cát Khánh, huyện Phù Cát giao nộp 02 cá thể Rùa biển (Đôi môi và Vích) do thu mua và bị mắc lưới về với môi trường biển tự nhiên; tại Nhơn Hải đã có 05 lượt rùa (thuộc loài Rùa Xanh, Vích (*Chelonia mydas*) - Nhóm đang bị đe dọa theo phân loại của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế IUCN, Phụ lục I của Công ước CITES về cấm buôn bán vận chuyển quốc tế) lên bãi biển trước thôn Hải Đông đẻ trứng (476 trứng) được tổ chức cộng đồng bảo vệ NLTS xã Nhơn Hải bảo vệ và di dời đến nơi an toàn;

- UBND thành phố Quy Nhơn tham mưu xây dựng và thực hiện mô hình bãi biển du lịch sạch không rác thải nhựa ở xã Nhơn Lý; mô hình phân loại rác thải tại nguồn ở xã Nhơn Châu, Nhơn Lý; mô hình tổ phụ nữ thu gom rác thải ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và phường Ghềnh Ráng; mô hình nhà hàng thân thiện không sử dụng đồ nhựa một lần (thuộc Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức

bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định”);

- BQLKKT tỉnh hỗ trợ 35 thùng chuyên dụng chứa rác thải sinh hoạt cho 04 xã ven biển trên địa bàn KKT Nhơn Hội nhằm hạn chế tình trạng xả rác thải bừa bãi trên địa bàn KKT Nhơn Hội; phối hợp với Đảng ủy, UBND và Đoàn Thanh niên các xã ven biển trên địa bàn KKT Nhơn Hội thực hiện thu gom rác thải tại một số vị trí trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Ngoài ra, BQLKKT tỉnh cũng tăng cường kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Chủ đầu tư các dự án trong KCN, KKT thực hiện trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ được duyệt trong quy hoạch tổng mặt bằng.

Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đã tham mưu triển khai các hoạt động về phòng, chống rác thải nhựa góp phần cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái bao gồm: triển khai công tác phân loại, thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh; thực hiện và duy trì các giải pháp hạn chế rác thải nhựa, không sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần trong các hoạt động công sở; tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động nhập khẩu phế liệu nhựa theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ các làng nghề, cơ sở tái chế nhựa nhằm bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

7. Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD) cho 05 cảng, cơ sở hoạt động ven biển bao gồm: Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định; Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn (nay là Công ty CP Cảng Quy Nhơn); bến phao dầu An Phú thuộc Công ty CP PETEC Bình Định; Cảng Thị Nại của Công ty CP Cảng Thị Nại và Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Trong năm 2021, UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thẩm định Kế hoạch UPSCTD đối với tàu bán lẻ xăng dầu hoạt động tại vùng nước Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn của Công ty CP Xăng dầu Quy Nhơn.

Về trang thiết bị UPSCTD trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu là các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn có thể được huy động và tận dụng để phục vụ công tác UPSCTD. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện có một số cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, kinh doanh xăng dầu, vận tải biển, hàng không đã đầu tư một số phương tiện, trang thiết bị UPSCTD có thể được huy động cho công tác UPSCTD tại địa phương như: Công ty Xăng dầu Bình Định; Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long; Công ty CP Cảng Quy Nhơn; Công ty CP Cảng Thị Nại, Công ty CP PETEC Bình Định; Chi nhánh công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) tại Bình Định.

Về nguồn lực UPSCTD tỉnh, căn cứ theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc UBND tỉnh và các quy định của Kế hoạch Quốc gia UPSCTD ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng

Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thực hiện sáp nhập Ban Chỉ đạo UPSCTD tỉnh vào Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) tỉnh và thống nhất cơ cấu tổ chức UPSCTD trên địa bàn tỉnh theo quy định của Quyết định số 133/QĐ-TTg như sau: cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo công tác UPSCTD ở cấp tỉnh là Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; cơ quan Quân sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh; cơ quan Quân sự cấp huyện, thị xã, thành phố là cơ quan thường trực UPSCTD cấp huyện, thị xã, thành phố. Ngày 12/5/2021, UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (PCTT - TKCN và PTDS) tỉnh tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND, đồng thời Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy tại Quyết định số 169/QĐ-BCH ngày 29/7/2021 và phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy tại Quyết định số 172/QĐ-BCH ngày 02/8/2021. Theo đó, Phó Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy về lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn trên đất liền, trên sông và phòng thủ dân sự trên địa bàn tỉnh, đồng thời là Cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh. Vì vậy, trong thời gian tới, nguồn lực UPSCTD tỉnh chủ yếu là lực lượng cơ quan Quân sự cấp tỉnh, huyện, thị xã và thành phố, đồng thời, khi cần thiết, UBND tỉnh có thể huy động nguồn lực từ các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp có đầu tư trang thiết bị UPSCTD (trong đó có Công ty Xăng dầu Bình Định và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có lực lượng UPSCTD được đào tạo về nghiệp vụ) và nhờ sự hỗ trợ từ Trung tâm UPSCTD khu vực miền Trung.

Về tình hình xử lý, khắc phục môi trường do SCTD, trong năm 2021, trên khu vực biển tỉnh không xảy ra SCTD.

8. Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo; quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Về công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh **thực hiện** cập nhật số liệu hàng tháng về sản lượng thủy sản khai thác, NTTS lên hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) tại Bình Định. Bên cạnh đó, Sở TNMT đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đê Gi” (2021 - 2022) và thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn các xã, phường ven đầm, ven biển thuộc thành phố Quy Nhơn, các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn.

Về công tác quan trắc môi trường biển và hải đảo, trong năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở TNMT, Sở Nông nghiệp và PTNT và BQLKKT tỉnh thực hiện các hoạt động quan trắc thuộc chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị:

- Sở TNMT thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc môi trường nước biển ven bờ và trầm tích biển tỉnh Bình Định năm 2021”. Thực hiện quan trắc môi trường nước biển ven bờ tại 36 điểm (tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy) thuộc vùng biển: thành phố Quy Nhơn (vùng biển Ghềnh Ráng, Bãi Xếp, Nhơn Châu, Cảng Quy Nhơn, Nhơn Lý và

Nhon Hải); huyện Phù Cát (vùng biển Cát Tiến, Cát Hải, Cát Thành và Cát Khánh); huyện Phù Mỹ (vùng biển Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ An và Mỹ Thắng) và thị xã Hoài Nhơn (vùng biển Hoài Hương, Tam Quan, Hoài Mỹ và Hoài Hải). Thực hiện quan trắc trầm tích biển tại 07 điểm thuộc vùng biển: thành phố Quy Nhơn (vùng biển Nhơn Châu và Nhơn Lý); huyện Phù Cát (vùng biển Cát Hải); huyện Phù Mỹ (vùng biển Mỹ Thành và Mỹ An) và thị xã Hoài Nhơn (vùng biển Tam Quan và Hoài Hải). Tiến hành quan trắc trong 02 đợt (08 ngày mùa nắng và 08 ngày mùa mưa). Bên cạnh đó, Sở TNMT đã lắp đặt xong Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải trên địa bàn tỉnh (vào cuối năm 2018). Trên địa bàn tỉnh, hiện có 03 cơ sở hoạt động xả thải ra môi trường ven đầm có đầu tư trạm quan trắc tự động nước thải: Nhà máy xử lý nước thải của KCN Nhơn Hội do Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng KKT tỉnh quản lý, xả thải ra đầm Thị Nại; Nhà máy xử lý nước thải 2A do Phòng Quản lý đô thị thành phố Quy Nhơn quản lý, xả thải ra sông Hà Thanh chảy vào đầm Thị Nại; Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Tài do Công ty CP Đầu tư và xây dựng Bình Định quản lý, xả thải ra sông Hà Thanh chảy vào đầm Thị Nại. Tuy nhiên, 03 trạm chưa đảm bảo hoặc hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định nên chưa đủ điều kiện kết nối, truyền dữ liệu về Sở TNMT. Để đơn đốc, hướng dẫn các cơ sở đầu tư trạm quan trắc tự động và kết nối với Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải trên địa bàn tỉnh, Sở TNMT đã có văn bản số 2865/STNMT-CCBVMT ngày 09/11/2021 về việc hướng dẫn lắp đặt trạm quan trắc tự động và kết nối dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường để các cơ sở triển khai thực hiện trong thời gian tới;

- Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện công tác quan trắc môi trường nước vùng NTTS hàng năm. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ thực hiện quan trắc ở vùng bờ biển, vùng đầm nước lợ tại các huyện, thành phố, thị xã ven biển với 10 điểm quan trắc, cụ thể: thành phố Quy Nhơn (Cầu số 5, phường Nhơn Bình; Khe Cùi, xã Nhơn Hội); huyện Tuy Phước (Cống Nhân Ân, xã Phước Thuận; Cống Tân Đề, xã Phước Hòa); huyện Phù Cát (Cửa Đầm Đề Gi, xã Cát Khánh); huyện Phù Mỹ (Trung Xuân, xã Mỹ Chánh; Bờ biển xã Mỹ An; Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành); thị xã Hoài Nhơn (Cầu Hoài Hải, xã Hoài Mỹ; Trường Xuân, phường Tam Quan Bắc). Đối với vùng nuôi thủy sản nước mặn (tôm hùm và ốc hương) thực hiện quan trắc 01 điểm tại vùng biển xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn. Thời gian thực hiện quan trắc môi trường nước bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 10 hàng năm. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ quan trắc theo con nước thủy triều với tần suất 02 lần/tháng vào thời điểm gần đỉnh triều. Riêng vùng biển xã Nhơn Hải thì tần suất quan trắc là 01 lần/tháng. Mẫu nước xác định độ mặn, pH, COD, độ kiềm, NO₂, NO₃, NH₃, PO₄ và vibrio tổng số;

- BQLKKT tỉnh phối hợp với Trung tâm phân tích và đo lường chất lượng Bình Định trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quan trắc đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn KKT Nhơn Hội, tần suất 02 lần/năm. Đối với chất lượng trầm tích trong nước biển, nước mặt khu vực Đầm Thị Nại thực hiện quan trắc tại 02 điểm: Vịnh Mai Hương và Cảng tổng hợp Nhơn Hội. Đối với môi trường nước mặt Đầm Thị Nại thực hiện quan trắc tại 05 điểm: trước

UBND xã Nhơn Hội cũ; Đầm Thị Nại gần trạm xử lý nước thải tập trung KKT Nhơn Hội; Đầm Thị Nại ngay cống thủy lợi gần khu tái định cư Nhơn Phước; gần dự án nhà máy thép Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định; tại Công xã số 01 nằm cuối đường ĐSA13 và ĐSA7 khu tái định cư Nhơn Phước. Đối với chất lượng nước biển ven bờ gần các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải thực hiện quan trắc tại 08 điểm: gần suối Cả Nhơn Lý; gần Khu du lịch Trung Lương; gần Khu du lịch Vĩnh Hội; gần dự án Khu du lịch Hải Giang Merry Land; gần Khu du lịch Dviews Resort; gần dự án Khu du lịch Kỳ Co - Nhơn Lý; gần dự án Khu du lịch Resort cao cấp phía Bắc (điểm số 2, Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến); gần dự án khu giáo dục kỹ năng sống Outward Bound Việt Nam tại Bình Định.

Về công tác xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TNMT biển và hải đảo, Sở TNMT đã tham mưu UBND tỉnh hoàn thành nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo tỉnh Bình Định” (2019 - 2021).

9. Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh có triển khai 02 dự án do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ bao gồm:

- Dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”;
- Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định”.

10. Công tác tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong tỉnh triển khai công tác tuyên truyền về biển và hải đảo với đa dạng các hình thức và nội dung.

Sở TNMT tham mưu thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo với các nội dung như sau: tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại thành phố Quy Nhơn; tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6) và Ngày Đại dương thế giới (08/6) năm 2021 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và các huyện Phù Mỹ, Phù Cát và Tuy Phước bằng hình thức băng rôn, vi nhép tuyên truyền; tuyên truyền bảo vệ TNMT biển, hải đảo tại các trường tiểu học thuộc thị xã Hoài Nhơn, các huyện Phù Mỹ, Phù Cát và Tuy Phước bằng hình thức pano tuyên truyền; triển khai hoạt động “Hỗ trợ thùng đựng rác tại các xã ven biển huyện Phù Cát”.

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền về quản lý hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển với các hoạt

động như sau: thực hiện 857 lần phát thanh tuyên truyền; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong hơn 120 cuộc họp dân với hơn 5.273 lượt người tham dự; thực hiện 12 phóng sự phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, VTV Go Vnews.gov.vn và 23 tin, bài đăng trên website, bản tin của Tạp chí Thủy sản Việt Nam, Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật tỉnh, cổng thông tin điện tử thành phố Quy Nhơn, báo Bình Định... tuyên truyền các hoạt động trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô;

Tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2017 – 2021”, thông qua các cuộc họp giao ban báo chí hàng tháng, hàng quý cùng với các văn bản hướng dẫn tuyên truyền hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Nhà báo tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, các cơ quan truyền thông ở địa phương (Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh tuyên truyền các nội dung sau: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thông tin đối ngoại; tuyên truyền về biển, hải đảo và các hành động bảo vệ chủ quyền biên, đảo; tuyên truyền cho nhân dân tuyên biên giới biển, hải đảo và ngư dân không khai thác thủy sản bất hợp pháp, vi phạm vùng biển nước ngoài; tuyên truyền pháp luật và các nội dung liên quan đến công tác đảm bảo an toàn đối với người, phương tiện khi hoạt động trên biển và khi gặp sự cố trên biển; tuyên truyền đảm bảo giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trên đất liền, trên không, trên biển và trên không gian mạng. Ngoài ra, trang Fanpage Tin tức Bình Định do Sở Thông tin và Truyền thông tạo lập để thông tin về công tác quản lý, tuyên truyền về văn hóa đối ngoại, bảo vệ biên giới, hải đảo đã nhận được nhiều sự quan tâm. Đến nay, theo thống kê đã có hơn 53.000 người theo dõi fanpage này.

Sở Du lịch đã tham mưu tổ chức tuyên truyền, thông tin đến các doanh nghiệp du lịch về tác hại của rác thải nhựa, túi ni lông sử dụng một lần đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người; tuyên truyền người lao động và khách du lịch về công tác bảo vệ môi trường biển theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; đề nghị các doanh nghiệp bố trí lao động phục vụ công tác đảm bảo môi trường, bản hướng dẫn, nội quy... về việc bảo vệ môi trường tại đơn vị.

Thực hiện chức năng quản lý TNMT tại KKT Nhơn Hội, nhằm góp phần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, người dân địa phương trên địa bàn KKT, KCN về công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển trên địa bàn KKT Nhơn Hội nói riêng, BQLKKT tỉnh tổ chức triển khai thực hiện một số hoạt động sau: tổ chức treo 44 băng rôn tại Trụ sở làm việc của BQLKKT tỉnh, các tuyến đường trong KKT, KCN và in 380 tờ áp phích với các chủ đề bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, phát triển bền vững biển, đảo... gửi đến các doanh nghiệp để tuyên truyền, hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Ngày Môi trường thế giới (05/6)...; xây dựng mới, sửa chữa 12 pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp; đăng các bài viết, hình ảnh liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên biển, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch biển gắn với phát triển kinh tế - xã hội trong bản

tin KKT xuất bản định kỳ hàng quý, gửi đến các doanh nghiệp và đăng tải trên website của BQLKKT tỉnh (<https://kkt.binhdinh.gov.vn>) để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai thực hiện.

11. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Về việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, trong năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các địa phương ven biển thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành các lĩnh vực liên quan.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông, Bộ đội biên phòng tỉnh và chính quyền địa phương các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường ven biển tổ chức 50 chuyên tuần tra, kiểm soát trên đầm Thị Nại, Đê Gi, khu vực ven biển Quy Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn. Kết quả đã kiểm tra nhắc nhở 618 lượt tàu cá đang hoạt động KTTS, phát hiện xử lý 38 trường hợp vi phạm, trong đó ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 37 trường hợp với số tiền phạt 378,9 triệu đồng và 01 trường hợp đang xử lý (đã ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm hành chính gồm 01 tàu cá vỏ gỗ do không xác định được người vi phạm).

Sở TNMT đã thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai đối với các dự án dọc tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Chung cư An Phú Thịnh Garden Tower, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn; kiểm tra đột xuất 02 cơ sở nuôi tôm trên cát (dự án nuôi tôm tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Ngọc Châu và dự án nuôi tôm tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ của Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ); kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài nguyên nước đối với Ban quản lý Cụm Công nghiệp Hoài Nhơn tại thôn Thiện Chánh I, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn. Kết quả, phần lớn các doanh nghiệp, tổ chức cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật. Riêng Công ty TNHH Ngọc Châu bị xử phạt 70 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện đúng hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa ven biển, hải đảo, Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh đối với 04 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa (Công ty CP Gia đình và những người bạn; Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Thuyền Việt; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quy Nhơn Land và Công ty TNHH MTV Hoàng Mi). Kết quả đã xử phạt Công ty CP Gia đình và những người bạn số tiền 2,4 triệu đồng về hành vi đưa 03 phương tiện vận chuyển hành khách không bố trí đủ định biên thuyền viên đảm nhiệm chức danh máy trưởng (01 người) và thủy thủ (01 người) theo quy định.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường tại các cảng biển, luồng hàng hải, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thường xuyên tiến hành tuần tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm và bảo vệ môi trường tại khu vực quản lý. Kết quả: không có trường

hợp vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường tại khu vực quản lý.

Về công tác thanh tra, kiểm tra trên địa bàn KKT Nhơn Hội, BQLKKT tỉnh thực hiện kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực liên quan. Đối với lĩnh vực đất đai đã tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện dự án đầu tư và tiến độ sử dụng đất tại 17 dự án trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Qua đó đã ban hành Quyết định gia hạn tiến độ đưa đất vào sử dụng và thông báo nộp tiền thuê đất 03 dự án (KCN A, KCN B và Khu du lịch Dviews resort) với tổng số tiền 61,5 tỷ đồng kết hợp đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai 14 dự án theo đúng quy định. Duy trì hoạt động Tổ công tác liên ngành hỗ trợ công tác chống lấn, chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Qua đó đã kịp thời phát hiện và xử lý 03 trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn KKT. Đối với lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng nước dưới đất tại 07 Doanh nghiệp trong KCN A. Kết quả, các doanh nghiệp đã nghiêm túc chấp hành việc trám lấp, cách ly các giếng khoan hiện có trong mặt bằng và sử dụng nguồn nước cấp tập trung theo quy định, không có doanh nghiệp nào bị thanh tra, xử lý. Duy trì hoạt động Tổ công tác chống khai thác, vận chuyển cát trái phép trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Qua đó đã kịp thời phát hiện, bắt giữ 20 trường hợp khai thác, vận chuyển cát trái phép, hiện đã xử lý 19 trường hợp với tổng số tiền phạt 81,2 triệu đồng; 01 trường hợp chính quyền địa phương đang hoàn thiện thủ tục để xử lý theo quy định. Đối với lĩnh vực môi trường đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 07 đợt kiểm tra, 14 đợt phúc tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại 07 Doanh nghiệp. Qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục các tồn tại về bảo vệ môi trường theo quy định. Trong năm, có 02 doanh nghiệp bị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường (theo hồ sơ vi phạm đã được BQLKKT tổng hợp, đề xuất xử phạt trong năm 2020).

Bên cạnh đó, trong năm 2021, UBND thị xã Hoài Nhơn đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản đối với 01 trường hợp với tổng số tiền là 20 triệu đồng. Hành vi vi phạm hành chính: Sử dụng tàu cá (có chiều dài 19 m, công suất 725 CV) KTTS tại vùng lộng.

12. Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ

Công tác xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở TNMT tham mưu thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030. Nhiệm vụ này sẽ thực hiện sau khi có cơ sở theo quy định là Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

13. Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển

Tỉnh Bình Định đã hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh

Bình Định (tại Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 25/01/2019) và phê duyệt Chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh Bình Định (tại Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 25/11/2019). Hiện nay, các mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được giao cho UBND các địa phương tham mưu quản lý và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu phối hợp với UBND các địa phương quản lý theo chức năng liên quan.

14. Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

Công tác lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở TNMT tham mưu thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025.

15. Giao, sử dụng khu vực biển

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển. Tuy nhiên có 02 trường hợp đề xuất triển khai 02 dự án có sử dụng khu vực biển bao gồm: dự án điện gió ngoài khơi của Tập đoàn PNE (Cộng hòa liên bang Đức) và dự án Cảng tổng hợp quốc tế Long Sơn tại xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ của Công ty TNHH Long Sơn. UBND tỉnh đã đồng ý cho 02 tổ chức thực hiện việc khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án.

16. Quản lý hoạt động nhận chìm ở biển

Trong năm 2021, đối với vật, chất nạo vét từ các dự án nạo vét, duy tu, cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải Quy Nhơn của Cục Hàng hải Việt Nam, Ban Quản lý Dự án hàng hải (Bộ Giao thông vận tải) và các dự án, công trình nạo vét tại các cảng biển tại thành phố Quy Nhơn (của Công ty CP Cảng Quy Nhơn, Công ty CP Cảng Thị Nại, Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn) đều được UBND tỉnh chỉ đạo dùng để san lấp mặt bằng các dự án có nhu cầu san lấp ven đầm Thị Nại để tránh lãng phí, gây ô nhiễm môi trường.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và những mâu thuẫn xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện. Vì vậy, những khó khăn, vướng mắc của địa phương được thể hiện qua một số lĩnh vực sau:

- Về lĩnh vực thủy sản, tình trạng tàu cá vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài bị bắt giữ vẫn chưa chấm dứt hẳn và vẫn còn tàu cá không có giấy phép KTTS. Tình trạng sử dụng xung điện, xiếc máy KTTS vẫn còn;

- Về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, hiệu quả công tác tìm kiếm, đánh giá tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa cao. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra một số nơi trên địa bàn tỉnh, trong đó có khu vực ven biển. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản còn khó khăn, hạn chế về cơ chế phối hợp và cơ cấu tổ chức;

- Về lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa, hiện nay, khó khăn lớn nhất là cơ sở hạ tầng bến, cảng thủy nội địa chưa được đầu tư và cấp phép theo quy định nên chưa thể công bố luồng, tuyến thủy nội địa. Vì vậy, công tác quản lý bến và tuyến gặp rất nhiều khó khăn;

- Về lĩnh vực du lịch biển, đảo, tình trạng ô nhiễm môi trường tại nhiều điểm tham quan du lịch còn phổ biến. Hoạt động phòng, chống rác thải nhựa tại các cơ sở kinh doanh chưa hiệu quả. Nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường du lịch còn hạn chế;

- Về công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên địa bàn KKT Nhơn Hội, việc xác định hành vi, chế tài xử phạt đối với các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường biển còn thiếu cơ sở pháp lý. Công tác bảo vệ môi trường tại một số doanh nghiệp thiếu sự quan tâm so với các năm trước;

- Về công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, công tác đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực biển, đảo còn hạn chế. Công tác quản lý môi trường gặp nhiều khó khăn theo sự phát triển của các hoạt động kinh tế;

- Về công tác giao, sử dụng khu vực biển, việc thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP gặp khó khăn trong thực tế triển khai vì thiếu cơ sở pháp lý và tồn tại nhiều vấn đề bất cập;

- Về công tác ứng phó sự cố tràn dầu, việc triển khai Quyết định số 133/QĐ-TTg và Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu gặp nhiều khó khăn vì thiếu cơ sở pháp lý và hướng dẫn để triển khai các nội dung liên quan về công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục, đồng thời tồn tại vướng mắc về lực lượng ứng phó và khắc phục sự cố;

Những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các ngành, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

- Hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên thủy sản có một số mâu thuẫn trong quá trình hoạt động như: mâu thuẫn giữa các nghề khai thác với nhau (ở đầm Thị Nại, Trà Ô), mâu thuẫn giữa chủ tàu KTTS ở trong tỉnh với các chủ tàu ngoài tỉnh đến Bình Định để khai thác (ở vùng biển ven bờ trong tỉnh), mâu thuẫn giữa các hộ NTTS và các hộ KTTS (tập trung ở các đầm và một số vùng biển ven bờ), mâu thuẫn về loại hình kinh doanh giữa những người khai thác và NTTS với những người làm nghề du lịch (ở vùng biển Nhơn Lý, Nhơn Hải thuộc thành phố Quy Nhơn);

- Mâu thuẫn giữa sinh kế của người dân ven biển và hoạt động bảo tồn các loài thủy sản; vì hiện nay mật độ dân số ven biển cao, trình độ dân trí không đồng đều, lao động qua đào tạo còn ít, tỷ lệ lao động trong độ tuổi chưa có việc làm còn khá lớn nên phần lớn nguồn thu nhập chính của người dân sống dựa vào đánh bắt thủy sản;

- Hoạt động du lịch tại các khu du lịch biển đôi khi cũng có ảnh hưởng không tốt đến hệ sinh thái biển qua việc thu nhặt sò, ốc, trai làm lưu niệm của du khách, tình trạng xả nước thải... là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm cho môi trường.

- Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặn, ngọt do hoạt động NTTS tự phát của người dân vì hầu hết các ao nuôi tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng) chưa có hệ thống xử lý nước trước khi cấp và xử lý nước thải sau nuôi tôm mà thải thẳng ra ngoài môi trường chưa qua xử lý. Khu vực ven biển chưa có hệ thống thu gom và nơi xử lý rác thải sinh hoạt nên tình trạng vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi ra đằm rất phổ biến. Tình hình sử dụng phương tiện KTTS mang tính hủy diệt như xung điện, lưới lồng, xiếc máy... làm cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật.

Những khó khăn, vướng mắc khác:

- Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước tổng hợp các vấn đề về biển, hải đảo chưa đầy đủ, cụ thể nên việc triển khai thực tế tại địa phương gặp nhiều khó khăn;

- Công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo cần thiết phải có sự phối hợp đa ngành, liên địa phương. Tuy nhiên, chưa có sự phối hợp tốt trong việc triển khai giữa các ngành, địa phương trong tỉnh. Vẫn còn tồn tại sự chông chéo trong công tác quản lý biển, hải đảo giữa các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan trong tỉnh, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước tổng hợp các vấn đề về biển, hải đảo;

- Nhận thức của cán bộ và cộng đồng dân cư về công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ TNMT biển, hải đảo theo hướng phát triển bền vững còn hạn chế;

- Công tác quản lý tổng hợp vùng bờ yêu cầu thực hiện nhiều hoạt động tổng hợp, cũng như công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo cần được phổ biến rộng rãi, hiệu quả đến nhiều đối tượng thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Tuy nhiên hiện nay, do nguồn ngân sách hạn chế nên tỉnh Bình Định cũng gặp khó khăn trong việc bố trí kinh phí triển khai.

b) Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Về lĩnh vực thủy sản, các chủ tàu, thuyền trưởng vì lợi ích kinh tế, bất tuân pháp luật đã chủ ý tổ chức đưa tàu khai thác hải sản trái phép ở vùng biển các nước; 90 % tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài và bị bắt giữ trong năm 2021 là các tàu cá hoạt động và neo đậu thường xuyên tại các ngư trường ngoài tỉnh nên rất khó khăn trong công tác tuyên truyền, quản lý hoạt động KTTS của địa phương và các ban, ngành chức năng trong tỉnh. Hiện nay, 1.490 tàu cá chưa được cấp giấy phép KTTS vì chưa đủ điều kiện theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017. Một số tàu cá có đủ điều kiện để làm giấy phép nhưng chủ yếu hoạt động ở vùng bờ, vùng lộng và về

bến neo đậu ở các bãi ngang, đầm vịnh, nơi có ít sự tuần tra kiểm soát của các lực lượng chức năng nên chủ quan không làm thủ tục cấp phép. Các đối tượng sử dụng xung điện, xiếc máy chỉ hoạt động vào ban đêm và phương thức hoạt động ngày càng tinh vi, trong khi lực lượng, kinh phí, phương tiện tuần tra chưa đáp ứng hoạt động thường xuyên.

Về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, công tác tìm kiếm, đánh giá tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm nhưng do kinh phí còn hạn chế nên phát huy chưa cao. Vì vậy, số liệu đánh giá tổng thể về nhóm, loại khoáng sản cũng như các yếu tố liên quan đến điều kiện khai thác mỏ của từng nhóm, loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh ở mức độ chính xác chưa cao, gây khó khăn cho công tác quy hoạch (nhất là quy hoạch các mỏ khoáng sản tiềm năng để phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản) và quản lý khoáng sản. Ý thức, nhận thức về việc chấp hành quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản của một số tổ chức, cá nhân chưa tốt. Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với Sở TNMT trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản còn hạn chế. Lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về TNMT còn thiếu, đặc biệt ở cấp cơ sở nên chưa chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản ven biển.

Về lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa, các bến thủy nội địa phục vụ dân sinh, phục vụ khách du lịch theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bình Định đến năm 2020 chủ yếu huy động từ nguồn vốn xã hội hóa từ các nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc đầu tư bến thủy nội địa cần nguồn kinh phí lớn, hiệu quả khai thác thấp, nên hiện nay chưa có nhà đầu tư nào tham gia đầu tư xây dựng bến thủy nội địa theo đúng quy định để đưa vào hoạt động, khai thác.

Về lĩnh vực du lịch biển, đảo, ý thức về bảo vệ môi trường chưa trở thành thói quen, nếp sống của một bộ phận dân cư, các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: vứt rác sinh hoạt; rác trong quá trình nuôi trồng, đánh bắt thủy sản... vẫn còn. Chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với bao bì, túi xách thân thiện với môi trường lưu thông trên thị trường. Một số sản phẩm nguồn gốc hữu cơ, thân thiện với môi trường có giá thành cao, vì vậy, một số cơ sở kinh doanh khi chuyển đổi còn gặp khó khăn. Kinh phí hàng năm dành cho công tác bảo vệ môi trường của Sở Du lịch rất hạn chế, chủ yếu từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của cơ quan.

Về công tác quản lý TNMT biển, hải đảo trên địa bàn KKT Nhơn Hội, Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo chưa đề cập đến nội dung các hình thức xử phạt trong vấn đề gây ô nhiễm môi trường biển. Trong năm 2021, do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 rất nặng nề, nên tình hình thu hút đầu tư, triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Việc giãn cách xã hội, hạn chế đi lại đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tạm dừng triển khai các công việc theo kế hoạch trong thời gian khá dài nên việc phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong một số trường hợp chưa được chặt chẽ, đồng thời ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Về công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, hoạt động quan trắc môi trường trên đất liền và vùng biển còn hạn chế về tần suất và số chỉ tiêu nên chưa đánh giá tốt hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường. Công tác điều tra quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực biển, đảo chưa được chú trọng thực hiện đồng bộ. Hoạt động kinh tế biển, đặc biệt là hoạt động du lịch biển, đảo tăng trưởng mạnh trong thời gian gần đây và những năm tới sẽ gây áp lực lớn đến vấn đề môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong khi công tác quản lý môi trường chưa đáp ứng kịp thời.

Về công tác giao, sử dụng khu vực biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, theo khoản 1 Điều 3, ranh giới khu vực biển đề nghị giao được xác định, thể hiện trên nền bản đồ địa hình đáy biển. Tuy nhiên, địa phương vẫn chưa được tiếp nhận bản đồ để phục vụ công tác giao khu vực biển. Theo khoản 3 Điều 3, Bộ TNMT có trách nhiệm xác định, công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo. Tuy nhiên, hiện nay trên Hệ thống hỗ trợ giao khu vực biển (tại địa chỉ: <http://giaokhuvucbien.vasi.gov.vn>) chưa cập nhật đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý theo quy định tại Quyết định số 836/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ TNMT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ TNMT về việc công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm vùng ven biển Việt Nam. Theo khoản 3 Điều 4, khu vực biển được giao phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Tuy nhiên, 02 quy hoạch vẫn chưa được ban hành. Theo khoản 3 Điều 8, UBND cấp tỉnh quyết định giao khu vực biển nằm trong phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 8. Tuy nhiên, trường hợp khu vực biển do nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị giao để thực hiện các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên biển thì thẩm quyền là của Bộ TNMT theo điểm c khoản 2 Điều 8. Điều này dẫn đến sự bất cập giữa phạm vi vùng biển thuộc thẩm quyền giao của UBND cấp tỉnh nhưng đối tượng đề nghị giao thuộc thẩm quyền giao của Bộ TNMT. Tại điểm c khoản 2 Điều 16 về việc thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ TNMT và cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với trường hợp khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của UBND tỉnh. Điều này sẽ dẫn đến kéo dài thời gian, gây khó khăn cho quá trình giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân.

Về công tác ứng phó sự cố tràn dầu, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch UPSCTD cấp cơ sở, cấp huyện. Bộ TNMT chưa ban hành: hướng dẫn xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và

định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn; hướng dẫn các địa phương xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn. Bên cạnh đó, theo quy định, cơ quan thường trực UPSCTD cấp tỉnh là cơ quan Quân sự cấp tỉnh. Tuy nhiên, theo thực tế, lực lượng cơ quan Quân sự cấp tỉnh chưa chủ động tham mưu đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn UPSCTD vì tồn tại vướng mắc về thiếu quy định của Bộ Quốc phòng nên chưa thực hiện đúng trách nhiệm thường trực UPSCTD cấp tỉnh. Điều đó dẫn đến khả năng UPSCTD cấp tỉnh vẫn phụ thuộc vào nguồn lực Trung ương (Trung tâm Ứng phó SCTD khu vực miền Trung) là chính. Đồng thời, Bộ TNMT được quy định là cơ quan tham mưu công tác khắc phục SCTD, tuy nhiên trong cơ cấu tổ chức không có lực lượng thực hiện công tác khắc phục ngoài hiện trường. Điều đó dẫn đến công tác khắc phục chồng chéo về cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai hoạt động khắc phục ngoài thực địa.

Nguyên nhân của những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các ngành, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo chủ yếu là do: thiếu quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; các yếu tố TNMT biển, hải đảo do nhiều sở, ban, ngành và đơn vị liên quan quản lý, chưa thống nhất về một cơ quan, đơn vị quản lý; ý thức khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của một bộ phận dân cư, cộng đồng ven biển và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan còn hạn chế.

2. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị Bộ TNMT, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xem xét các đề xuất, kiến nghị ở một số nội dung sau:

a) Về việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các VBQPPL về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định lãn biển, Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, xem xét sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP theo hướng phân cấp cho địa phương thực hiện, trường hợp khu vực biển đã được thể hiện trong các quy hoạch liên quan nên hạn chế việc lấy ý kiến để giảm thời gian giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển, góp phần cải cách hành chính;

- Ban hành các Thông tư hướng dẫn phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu: xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam; điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi

trường do dầu tràn; xác minh nguyên nhân tràn dầu chưa rõ nguồn gốc xảy ra tại địa bàn; quy định công tác đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ UPSCTD cho cơ quan Quân sự các cấp;

- Ban hành Thông tư hướng dẫn một số số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (có hiệu lực từ ngày 15/3/2021);

- Ban hành Quyết định công bố bản đồ thể hiện đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo (cập nhật bản đồ theo Quyết định số 836/QĐ-BTNMT). Theo đó, Bộ TNMT chỉ đạo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam cập nhật lại thông tin bản đồ trong Hệ thống hỗ trợ giao khu vực biển (tại địa chỉ: <http://giaokhuvucbien.vasi.gov.vn>);

- Nghiên cứu tích hợp Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (theo Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ TNMT quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo) vào Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý TNMT (theo Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ TNMT quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TNMT) để tránh trùng lặp nội dung báo cáo và giảm thiểu số lượng báo cáo của ngành TNMT;

- Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ TNMT quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo vì quy định chưa rõ ràng, cụ thể về tài liệu chứng minh, đồng thời một số tiêu chí, tiêu chí thành phần trùng lặp về nội dung và không hợp lý;

- Nghiên cứu ban hành VBQPPL phân định rõ chức năng quản lý nhà nước giữa Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Tổng cục Môi trường trong việc quản lý môi trường vùng nước biển, từ đó, giúp quy định rõ nhiệm vụ giữa Phòng Biển và Hải đảo và Chi cục Bảo vệ môi trường tại địa phương. Bên cạnh đó, cần ban hành VBQPPL quy định lại trách nhiệm giữa Bộ TNMT và Bộ ngành tham mưu UPSCTD trong công tác khắc phục SCTD để giải quyết sự chồng chéo giữa cơ quan tham mưu chuyên môn và cơ quan triển khai lực lượng khắc phục ngoài thực địa.

b) Về việc xây dựng các cơ chế phối hợp cụ thể để quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

- Tăng cường cơ chế phối hợp trong bảo vệ môi trường biển trên cơ sở mối tương quan với khai thác bền vững tài nguyên biển và bảo vệ môi trường trên đất liền;

- Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ, duy trì và phát triển các chương trình hợp tác với các trung tâm, đơn vị nghiên cứu khoa học trong nước.

c) Về việc thu hút các nguồn lực phục vụ cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

- Thiết lập các mối quan hệ và xây dựng các chương trình hợp tác trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn lực và chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển;

- Nghiên cứu ban hành các VBQPPL quy định nguồn kinh phí, công tác phí hỗ trợ cho các thành phần tham gia công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, hải đảo, cũng như tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

d) Các nội dung đề xuất, kiến nghị khác

- Trình Quốc hội quyết định Quy hoạch không gian biển quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;

- Hỗ trợ bàn giao cho địa phương bản đồ địa hình đáy biển; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức quản lý nhà nước về lĩnh vực biển, hải đảo tại địa phương về nghiệp vụ sử dụng bản đồ địa hình đáy biển và các trang thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc giao các khu vực biển.

- Hoàn thiện và ban hành các quy định, chính sách, hướng dẫn về công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo để địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện;

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ thuật chi tiết cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về biển, hải đảo ở địa phương;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp về TNMT và hiện trạng khai thác, sử dụng khu vực biển;

- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác điều tra, khảo sát TNMT biển, kiểm soát ô nhiễm và phòng chống sự cố ô nhiễm trên biển và nhiệm vụ chuyên môn quản lý biển, hải đảo;

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học biển, các đối tượng sinh vật biển quý hiếm; nghiên cứu đánh giá cụ thể về tác động của BĐKH và hiện tượng tự nhiên đến biển, đảo và hoạt động du lịch để hỗ trợ ngành du lịch chủ động trong công tác quản lý, phát triển du lịch;

- Hỗ trợ kinh phí cho tỉnh: triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác quản lý tổng hợp vùng bờ và công tác tuyên truyền biển, hải đảo; đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển, trầm tích, sinh thái và diễn biến môi trường vùng ven biển; điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường biển tại những khu vực rủi ro ô nhiễm cao để xác định các khu vực không có khả năng tiếp nhận chất thải, những khu vực dễ bị

tồn thương; tăng cường năng lực, trang thiết bị và tần suất thực hiện quan trắc môi trường để kịp thời đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường; tổ chức các hoạt động điều tra, đánh giá và có phương án bảo tồn đa dạng sinh học khu vực biển, đảo; thực hiện các dự án, chương trình phục hồi, tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa quan trọng của tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường biển, đảo trong hoạt động du lịch cho các đối tượng quản lý, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và người dân bằng các hình thức đa dạng (tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; các phương tiện thông tin đại chúng; pa nô; tờ rơi, tập gấp...); điều tra tài nguyên du lịch biển, hải đảo; triển khai công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch cho ngành du lịch và các địa phương ven biển, nhất là đối với các khu vực du lịch dễ bị tổn thương cao; đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ dân sinh tại địa phương;

- Tạo điều kiện cho tỉnh Bình Định tham gia các nhiệm vụ triển khai tại địa phương thuộc các dự án cấp Trung ương, cấp Bộ hoặc các dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Biển và HĐVN;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở TN và MT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN,
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

I ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
TT	Đối tượng điều tra	Nội dung điều tra	Địa bàn điều tra	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo (triệu đồng)	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
1	Nước biển ven bờ và trầm tích biển	- Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước biển ven bờ và trầm tích biển mùa nắng năm 2021; - Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước biển ven bờ và trầm tích biển mùa mưa năm 2021.	- Thành phố Quy Nhơn (12 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển); - Huyện Phù Cát (08 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 01 điểm quan trắc trầm tích biển); - Huyện Phù Mỹ (08 điểm quan	349	Hoàn thành Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021.

			<p>trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển);</p> <p>- Thị xã Hoài Nhơn (08 điểm quan trắc nước biển ven bờ và 02 điểm quan trắc trầm tích biển).</p>		
2	Nước thải ven biển	<p>- Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, tài liệu, số liệu về hiện trạng xả thải tại các địa phương ven biển;</p> <p>- Lập danh mục các đối tượng và tiến hành điều tra chi tiết.</p>	Năm (05) huyện, thị xã và thành phố ven biển.	400	Thông tin, số liệu hiện trạng xả thải tại các địa phương ven biển.
3	Các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng	<p>- Thu thập, xử lý và tổng hợp các thông tin hiện có về đầm Đê Gi;</p> <p>- Điều tra, khảo sát thực địa và thu mẫu sinh vật ở các hệ sinh thái điển hình vào mùa mưa nhằm thống kê và đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học đầm Đê Gi;</p> <p>- Xác định các hệ sinh thái điển hình, diện tích đất ngập nước, loài; tập trung vào các loài quý hiếm, loài đặc hữu cần bảo tồn; các loài có giá</p>	Đầm Đê Gi	226	Báo cáo đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái và các loài sinh vật quý hiếm, đặc hữu cần được bảo tồn hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng; các loài có giá trị kinh tế và đem lại sinh

		trị kinh tế và đem lại sinh kế cho cộng đồng địa phương (vào mùa mưa).			kế cho cộng đồng tại đầm Đê Gi (vào mùa mưa).
4	Nước dưới đất	Thăm dò nước dưới đất tại 11 giếng phục vụ hoạt động sản xuất Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ. Lưu lượng: 150 m ³ /ngày đêm.	Thôn 8 Đông, xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ.		
II NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
TT	Đối tượng nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Địa bàn nghiên cứu	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo (triệu đồng)	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
1	Rạn san hô	<ul style="list-style-type: none"> - củng cố tổ chức và đào tạo nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý hệ sinh thái san hô ven biển cho các tổ chức cộng đồng ngư dân địa phương; - Xây dựng các mô hình giao quyền quản lý, giám sát, bảo vệ rạn san hô cho cộng đồng địa phương tại 03 xã/phường: Nhơn Lý, Nhơn Châu, Ghềnh Ráng; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình giao quyền cho cộng đồng quản lý, bảo vệ rạn san hô tại Hòn khô Nhỏ xã Nhơn Hải. Xây dựng mối liên kết hỗ trợ lẫn nhau giữa các tổ chức cộng đồng 04 xã/phường trong hoạt động cộng đồng quản lý, 	Vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn	421	Đề tài do Hiệp hội Thủy sản tỉnh Bình Định chủ trì thực hiện đã được nghiệm thu tháng 11/2021.

	<p>bảo vệ rạn san hô, hình thành mạng lưới các khu cộng đồng bảo vệ rạn san hô;</p> <ul style="list-style-type: none">- Huy động sự đóng góp của cộng đồng và các bên liên quan, góp phần tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý, bảo vệ rạn san hô của Tổ chức cộng đồng;- Cùng cố nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh của các hợp tác xã, tổ hợp tác dịch vụ du lịch, thu hút sự tham gia của cộng đồng nhằm hướng tới phát triển du lịch sinh thái cộng đồng xanh, sạch, văn minh, góp phần từng bước chuyển nghề cho ngư dân và thực hiện bình đẳng giới.			
--	---	--	--	--

Phụ lục II
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Loại tài nguyên khai thác, sử dụng	Địa bàn triển khai	Sản lượng khai thác, sử dụng	Chỉ tiêu hoàn thành so với kế hoạch (%)	Tổng giá trị đạt được từ khai thác, sử dụng (triệu đồng)
1	Khai thác thủy sản	Vùng biển Việt Nam	258.140 tấn	1,03 %	15.717.700
2	Nuôi trồng thủy sản	Năm (05) huyện, thị xã, thành phố ven biển	11.300 tấn	81 %	886.270
3	Yến sào	17 hang yến thuộc bán đảo Phương Mai, thành phố Quy Nhơn	230,1 kg (30.592 tổ)	So với năm 2020: sản lượng giảm 16,78 %; số lượng tổ giảm 15,61 %.	
4	Sa khoáng titan	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát và xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	50.000 tấn	83 %	97.500
5	Cát	KKT Nhơn Hội	825.667.000 m ³		
6	Nước dưới đất	Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ. Tọa độ X,Y (hệ VN 2000, múi 3°): G1: 1570258; 303881	180 m ³ /ngày đêm		

		G2: 1570258; 303877 G3: 1568932; 304347 G4: 1568068; 304755 G5: 1569444; 304090			
7	Nước dưới đất	Thôn 8 Đông, xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ. Tọa độ X,Y (hệ VN 2000, múi 3°): G1: 1581772; 598304	150 m ³ /ngày đêm		
8	Nước mặt (biển)	Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.	17.000 m ³ /ngày đêm		
9	Đường thủy nội địa	Ven biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh	- Số lượng hành khách vận chuyển: 231.900 người; - Khối lượng hàng hóa vận chuyển: 24.300 tấn.	So sánh với hoạt động năm 2020: Vận chuyển hành khách giảm 6,6 %; Vận chuyển hàng hóa tăng 35,7 %.	
10	Cảng biển và luồng hàng hải	Khu vực cảng biển Quy Nhơn và khu vực cảng biển Vũng Rô	14.658.707 tấn	Tăng 9,0 %	
11	Khách du lịch	Tỉnh Bình Định	Đạt 1,22 triệu lượt khách.	Giảm 45,2 % so với cùng kỳ	1.656.000 (giảm 30,1 % so với cùng kỳ)